CÔNG TY CỔ PHẦN **CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ** ***PETROVIETNAM SECURITIES*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom - Happiness***
Số/ No: 195 */CV-CKDK*	*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026* *Hanoi, February 6, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
DISCLOSURE OF UNUSUAL INFORMATION

Kính gửi:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

To:
- ***State Securities Commission of Vietnam***
- ***Vietnam Stock Exchange***
- ***Hanoi Stock Exchange***

Công ty: Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
Name of organization: PetroVietnam Securities Joint Stock Company
Mã chứng khoán/ *Stock code*: PSI
- Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Hanoitourist Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: 2nd Floor, Hanoitourist Building, 18 Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam.
Điện thoại/*Tel*: (024)393 438 88
Fax : (024) 393 439 99
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Nghị
Person in charge of information disclosure: Nguyen Thanh Nghi
Địa chỉ liên lạc : Tầng 2 Tòa nhà Hanoitourist Số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: 2nd Floor, Hanoitourist Building, 18 Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam.
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng)/ *Phone (mobile, office, home)*:
Loại thông tin công bố 24 giờ ☑ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ ☐
Type of disclosure: 24-hour ☑ *abnormal* ☐ *requested* ☐ *periodic* ☐
Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure (*):

Triển khai thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng (Nghị quyết số 04/NQ - HĐQT – CKDK ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng Quản trị công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí)/ Implementing the establishment of credit limits at credit

institutions (Resolution No. 04/NQ - HĐQT - CKDK dated February 5, 2026 of the Board of Directors of PetroVietnam Securities Joint Stock Company).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/02/2026 tại đường dẫn: http://psi.vn

This information was disclosed on the electronic information portal of the company on February 6, 2026 at: http://psi.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility before the law.

Nơi nhận/Receiving address:
- Như trên/*As above;*
- Chủ tịch HĐQT(để b/c)/*Chairman of the Board of Directors (for reporting)*
- Lưu VT/ *Save in Clerical Office*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Authorized representative for information disclosure

S.G.P: 26 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ - HOÀN KIẾM - TP HÀ NỘI

NGUYỄN THANH NGHỊ

CÔNG TY **CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ** *PETROVIETNAM SECURITIES INCORPORATED*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số/No: 04 /NQ - HĐQT - CKDK	*Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2025* *Hanoi, February 5, 2026*

NGHỊ QUYẾT

RESOLUTION

V/v: Triển khai tái cấp, thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng

Ref: Implementation of renewal and establishment of credit limits at credit institutions

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
THE BOARD OF DIRECTORS OF
PETROVIETNAM SECURITIES INCORPORATED

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2024;

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 approved by the National Assembly on June 17, 2024;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/04/2022;

Pursuant to the Charter of Petrovietnam Securities Incorporated approved by the General Meeting of Shareholders on April 28, 2022;

Căn cứ Tờ trình HĐQT số 03/TT-CKDK ngày 27/01/2026 về việc Triển khai tái cấp, thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng;

Pursuant to the Proposal to the Board of Directors No. 05/TT-CKDK dated January 27, 2026, regarding the implementation of renewal and establishment of credit limits at credit institutions;

Căn cứ Biên bản HĐQT số 04/BB-HĐQT ngày 05/02/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Pursuant to the Meeting Minutes of Board of Directors No. 04 /BB-HĐQT dated February 5, 2026, by the Chairman of the Board of Directors;

Căn cứ yêu cầu hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI/Công ty").

Pursuant to the operational requirements of Petrovietnam Securities Incorporated ("PSI/Company").

QUYẾT NGHỊ

RESOLVES:

Điều 1: Đồng ý với đề xuất của Ban Giám đốc tại Tờ trình HĐQT số 05/TT-CKDK ngày 27/01/2026 về việc Triển khai tái cấp, thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng trong năm 2026.

Article 1: *To approve the proposal of the Board of Management in Submission No. 05/TT-CKDK dated January 27, 2026, regarding the implementation of renewal and establishment of credit limits at credit institutions in 2026.*

Điều 2: Giao Ban Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện, ký kết các văn bản, hợp đồng, chứng từ liên quan đảm bảo hiệu quả hoạt động và tuân thủ đúng quy định của Công ty và Pháp luật.

Article 2: *To assign the Board of Management to direct the implementation, to sign relevant documents, contracts, and vouchers releated to ensuring operational efficiency and compliance with the Company's regulations and the Law.*

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 3: *This Resolution takes effect from the date of signing. The Board of Management and Heads of departments are responsible for implementing this Resolution.*

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (để giám sát, chỉ đạo thực hiện);/
  BOD, Supervisory Board (for supervision and direction)
- Ban Điều hành (để thực hiện);/
  Board of Management (for implementation);
- Trưởng các đơn vị PSI (để biết);/
  Heads of PSI's departments (for information);
- Lưu VT, HĐQT./
  Archived at Clerical Dept, BOD.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH / CHAIRMAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05 /TT-CKDK	

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Triển khai tái cấp, thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng

Kính gửi: Hội đồng Quản trị

- *Căn cứ Tờ trình 08/TT-BPNV-KVH ngày 08/01/2025 về việc triển khai thiết lập, tái cấp và bổ sung hạn mức vay vốn tại các tổ chức tín dụng*
- *Căn cứ Tờ trình 06/TT-CKDK ngày 13/01/2025 về việc triển khai thiết lập, tái cấp và bổ sung hạn mức vay vốn tại các tổ chức tín dụng;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-CKDK ngày 21/01/2025 về việc thông qua triển khai thiết lập, tái cấp và bổ sung hạn mức vay vốn tại các tổ chức tín dụng;*
- *Căn cứ Tờ trình 134/TT-BPNV-KVH ngày 21/04/2025 về việc triển khai thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng;*
- *Căn cứ Tờ trình 28/TT-CKDK ngày 21/04/2025 về việc triển khai thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-CKDK ngày 26/04/2025 về việc thông qua triển khai thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng;*
- *Căn cứ Tờ trình 15.../TT-ĐTNV-KVH ngày 19/01/2026 về việc triển khai thiết lập, tái cấp và bổ sung hạn mức vay vốn tại các tổ chức tín dụng*
- *Căn cứ và tình hình thực tế và kế hoạch sử dụng vốn của Công ty.*

Trong năm 2025, việc thúc đẩy đa dạng nguồn vốn đầu vào và triển khai các hoạt động kinh doanh nguồn vốn với các định chế tài chính đã góp phần tăng quy mô, giảm chi phí nguồn vốn đầu vào, đóng góp một phần vào hiệu quả hoạt động chung của Công ty. Do đó, để tiếp tục thực hiện theo định hướng nêu trên trong năm 2026 đồng thời căn cứ Tờ trình ...../TT-ĐTNV-KVH ngày 19/01/2026, Ban Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt triển khai tái cấp, thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng, nội dung cụ thể như sau:

I. Đánh giá sự cần thiết

- Đa dạng hóa nguồn vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: Trong năm 2025, PSI đã mở rộng kênh huy động nguồn vốn đầu vào là các hoạt động vay tín chấp với chi phí lãi vay thấp (lãi suất bình quân 4,65%/năm). Đồng thời, PSI cũng đã đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh nguồn vốn thông qua các nghiệp vụ gửi – vay với nim tối thiểu 0,8%/năm. Theo đó, từ các hoạt động triển khai với các tổ chức tín dụng nêu trên đã góp phần đảm bảo thanh khoản, ổn định nguồn vốn đầu vào, đồng thời tối ưu hiệu quả sử dụng vốn với chi phí thấp
- Mở rộng sản phẩm và thương hiệu: Việc triển khai quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng là một trong những chiến lược quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo nguồn vốn ổn định và tối ưu hóa chi phí hoạt động của Công ty. Trên thực tế, PSI đã thiết lập thành công hạn mức tín dụng với nhiều tổ chức tín dụng uy tín, bao gồm các ngân hàng thuộc nhóm Big4 như BIDV, Vietinbank, Vietcombank cùng với các ngân hàng thương mại cổ phần khác như HDBank, MBV, Seabank, Indovina, … Đây là nền tảng quan trọng giúp PSI nâng cao vị thế và mở rộng các sản phẩm tài chính trên thị trường.

- Tái cấp và thiết lập bổ sung hạn mức tín dụng năm 2026: Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-CKDK ngày 21/01/2025 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-CKDK ngày 26/04/2025, thời gian phê duyệt triển khai hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng trong năm 2025. Do đó, để tiếp tục thực hiện theo định hướng đa dạng nguồn vốn đầu vào, tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như triển khai các phương án kinh doanh với các tổ chức tín dụng, việc tái cấp, thiết lập bổ sung hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng trong năm 2026 là thực sự cần thiết.

II. Nội dung đề xuất

1. Phương án tái cấp, thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng

- Giá trị hạn mức tín dụng: Theo phương án triển khai tại từng tổ chức tín dụng theo các Phụ lục đính kèm Tờ trình này.
- Loại hạn mức tín dụng: Hạn mức thấu chi và/hoặc hạn mức vay vốn từng lần và/hoặc hạn mức bảo lãnh và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh cụ thể tại từng thời kỳ phát sinh trong năm 2026.
- Mục đích vay vốn: Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định của các tổ chức tín dụng từng thời kỳ.
- Lãi suất: Theo thông báo lãi suất tại thời điểm giải ngân.
- Thời hạn cho vay: Theo quy định tại từng tổ chức tín dụng.
- Phương thức giải ngân: Giải ngân trực tiếp/ bù đắp và/hoặc theo quy định cụ thể tại từng tổ chức tín dụng.
- Tài sản đảm bảo: Tín chấp và/hoặc vay có tài sản bảo đảm.
- Tỷ lệ cấp tín dụng: Theo quy định tại từng tổ chức tín dụng.
- Thời hạn duy trì hạn mức: Tối đa 12 tháng.
- Cam kết khác: Theo quy định tại từng tổ chức tín dụng và đảm bảo tổng dư nợ vay tuân thủ theo quy định của pháp luật và PSI.
- Phương án đề xuất về việc tái cấp, thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:

Stt	Tổ chức tín dụng	Chi tiết phê duyệt của HĐQT	Hạn mức tín dụng đề xuất tối đa (tỷ đồng)	Thời gian đề xuất
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà (BIDV Thái Hà)	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-CKDK ngày 21/01/2025	3.000	Tiếp tục tái thiết lập hạn
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)		2.000	
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VTB)		1.000	
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)		1.000	
5	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (MBV)		300	

6	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank)		500	mức năm 2026
7	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-CKDK ngày 26/04/2025	500	
8	Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Baoviet Bank)	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-CKDK ngày 21/01/2025	500	
9	Ngân hàng TNHH Indovina (IVB)		300	
10	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)		500	
11	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)		500	
12	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)		500	
13	Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB)		300	
14	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Shinhanbank)	Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-CKDK ngày 26/04/2025	500	
15	Ngân hàng Woori Việt Nam (Wooribank)		500	Thiết lập hạn mức mới năm 2026
16	Ngân hàng Keb Hana (Kebhana bank)		500	
17	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)		1.000	
18	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)		500	
19	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBBank)		500	
20	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)		500	
21	Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (UOB)		500	

(Chi tiết hạn mức tín dụng tại Phụ lục đính kèm tờ trình)

2. Đánh giá hiệu quả:

- **Ổn định nguồn vốn:** Thiết lập hạn mức tín dụng giúp bảo đảm nguồn vốn ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.
- **Tăng doanh thu và lợi nhuận:** Phương án vay vốn tại tổ chức tín dụng với mục đích kinh doanh vốn, góp phần mang lại doanh thu cũng như lợi nhuận bên cạnh các sản phẩm

kinh doanh truyền thống của PSI như: Cho vay ký quỹ, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.

- **Giảm chi phí vốn:** Lãi suất vay từ tổ chức tín dụng thường thấp hơn so với lãi suất đầu vào bình quân các sản phẩm nguồn vốn, từ đó giúp giảm chi phí đầu vào của Công ty và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- **Mở rộng mạng lưới khách hàng và sản phẩm tài chính:** Hệ thống cơ sở rộng khắp với tệp khách hàng lớn của các tổ chức tín dụng mở ra cơ hội đa dạng hóa sản phẩm hợp tác, từ đó phục vụ cho các hoạt động trong mảng dịch vụ chứng khoán của PSI, mang lại những tiện ích cũng như mở rộng hơn nữa tệp khách hàng của PSI.
- **Đảm bảo tính thanh khoản:** Việc thiết lập hạn mức vay vốn từ nhiều tổ chức tín dụng sẽ giúp PSI duy trì tính thanh khoản, đặc biệt trong trường hợp thị trường có biến động hoặc một số ngân hàng bị hết room tín dụng hoặc thắt chặt tín dụng, hạn chế giải ngân.

3. Tổ chức thực hiện

Phòng Đầu tư Nguồn vốn – PSI.

III. Đề xuất:

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Ban Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng Quản trị xem xét phê duyệt nội dung như sau:

- Phê duyệt tái cấp, thiết lập hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng theo nội dung tại Tờ trình này.
- Giao Phó Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện, ký kết các văn bản, hợp đồng, chứng từ liên quan đảm bảo hiệu quả hoạt động và tuân thủ đúng quy định của Công ty và pháp luật.

Kính trình./.

TM. BAN GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

LƯU THỊ VIỆT HÀ

Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BDH bàn HĐQT

Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC 01: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÁI HÀ (BIDV THÁI HÀ)

Giá trị hạn mức	Tối đa 3.000.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Ba nghìn tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức thấu chi và/hoặc hạn mức vay vốn từng lần và/hoặc hạn mức bảo lãnh và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ
Lãi suất	Theo quy định của BIDV Thái Hà tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	- Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước. - Giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của BIDV Thái Hà trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc vay có tài sản bảo đảm theo quy định của BIDV Thái Hà trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của BIDV Thái Hà trong từng thời kỳ.

PHỤ LỤC 02: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH (BIDV HÀ THÀNH)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức thấu chi và/hoặc hạn mức vay vốn từng lần và/hoặc hạn mức bảo lãnh và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định của BIDV Hà Thành theo từng thời kỳ
Lãi suất	Theo quy định của BIDV Hà Thành tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	- Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước. - Giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của BIDV Hà Thành trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc vay có tài sản bảo đảm theo quy định của BIDV Hà Thành trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của BIDV Hà Thành trong từng thời kỳ.

PHỤ LỤC 03: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VTB)

Giá trị hạn mức	Tối đa 1.000.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức thấu chi và/hoặc hạn mức vay vốn từng lần và/hoặc hạn mức bảo lãnh và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định của VTB theo từng thời kỳ
Lãi suất	Theo quy định của VTB tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	- Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước. - Giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của VTB trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc vay có tài sản bảo đảm theo quy định của VTB trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của VTB trong từng thời kỳ.

PHỤ LỤC 04: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCB)

Giá trị hạn mức	Tối đa 1.000.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và/hoặc hạn mức bảo lãnh và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định của VCB theo từng thời kỳ
Lãi suất	Theo quy định của VCB tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của VCB trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của VCB trong từng thời kỳ.

PHỤ LỤC 05: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TNHH MTV VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (MBV)

Giá trị hạn mức	Tối đa 150.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của MBV tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	- Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước. - Giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của MBV trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc vay có tài sản bảo đảm theo quy định của MBV trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của MBV tại thời điểm cấp tín dụng

PHỤ LỤC 06: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 200.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của Seabank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước hoặc phương thức giải ngân khác theo quy định của Seabank trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc vay có tài sản bảo đảm theo quy định của Seabank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của Seabank tại thời điểm cấp tín dụng

PHỤ LỤC 07: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HDBANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 300.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của HDBank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	- Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước. - Giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc vay có tài sản bảo đảm theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của HDBank tại thời điểm cấp tín dụng

PHỤ LỤC 08: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT (BAOVIET BANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 300.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của Baoviet Bank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc vay có tài sản bảo đảm theo quy định của Baoviet Bank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của Baoviet Bank tại thời điểm cấp tín dụng

PHỤ LỤC 09: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TNHH INDOVINA (IVB)

Giá trị hạn mức	Tối đa 300.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của IVB tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của IVB trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của IVB tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 10: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của VPBank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc có tài sản bảo đảm theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của VPBank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 11: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM (TECHCOMBANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 300.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của Techcombank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc có tài sản bảo đảm theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của Techcombank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 12: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP TIÊN PHONG (TPBANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 200.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của TPBank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	- Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước. - Giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc có tài sản bảo đảm theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của TPBank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 13: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN (NCB)

Giá trị hạn mức	Tối đa 300.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của NCB tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Tín chấp và/hoặc có tài sản bảo đảm theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của NCB tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 14: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM (SHINHANBANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 12 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của Shinhanbank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của Shinhanbank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của Shinhanbank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 15: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG WOORI VIỆT NAM (WOORI BANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 12 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của Wooribank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của Wooribank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của Wooribank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 16: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG KEB HANA VIỆT NAM (KEB HANA BANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 12 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của Keb Hana Bank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của Keb Hana Bank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của Keb Hana Bank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 17: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM (AGRIBANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 1.000.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của Agribank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	- Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước. - Giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của Agribank trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của Agribank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của Agribank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 18: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM (MSB)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của MSB tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước và/hoặc giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của MSB trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của MSB trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của MSB tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 19: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MBBANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của MBBank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước và/hoặc giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của MBBank trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của MBBank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của MBBank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 20: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH (ABBANK)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của ABBank tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước và/hoặc giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của ABBank trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của ABBank trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của ABBank tại thời điểm cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 21: HẠN MỨC TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TNHH MTV UNITED OVERSEAS BANK (UOB)

Giá trị hạn mức	Tối đa 500.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*
Loại hạn mức	Hạn mức vay vốn từng lần và các hạn mức tín dụng khác căn cứ theo từng phương án kinh doanh tại từng thời kỳ.
Mục đích vay vốn	Đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ hoặc các mục đích theo quy định tín dụng của các tổ chức tín dụng theo từng thời kỳ.
Thời hạn cho vay	Tối đa 06 tháng.
Lãi suất	Theo quy định của UOB tại từng thời điểm giải ngân.
Phương thức giải ngân	Giải ngân trực tiếp vào tài khoản thanh toán giao dịch trái phiếu chính phủ của PSI trong nước và/hoặc giải ngân bù đắp vào tài khoản của PSI với thời gian bù đắp theo quy định của UOB trong từng thời kỳ.
Tài sản đảm bảo	Có tài sản bảo đảm theo quy định của UOB trong từng thời kỳ.
Tỷ lệ cấp tín dụng	Theo quy định của UOB tại thời điểm cấp tín dụng.